



**BẢNG GIÁ DỰ THẦU LẦN 02**

(Gửi thầu 01-PPP/03.20/HSC) – Mở thầu ngày 28 tháng 04 năm 2020)

Bên Dự thầu: .....  
 Tên đơn vị/cá nhân: .....  
 Địa chỉ: .....  
 Điện thoại: .....  
 Fax: .....

| LÔ | STT | Tên hàng hóa                                                                                                                                              | Nơi nhận hàng        | Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô) | Số lượng chốt bán theo lô (tấn) | Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng) |           | Đơn giá dự thầu lần 02 gồm VAT 10% (VNĐ/KG) |
|----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------|---------------------------------------------|
|    |     |                                                                                                                                                           |                      |                                       |                                 | Min (tấn)                          | Max (tấn) |                                             |
| 1  | 1   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 100 tấn                                                                                                                       | Phú Mỹ               | 80                                    | 100                             |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 200 tấn                                                                                                                       | Phú Mỹ               | 160                                   | 200                             |                                    |           |                                             |
|    | 3   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 300 tấn                                                                                                                       | Phú Mỹ               | 240                                   | 300                             |                                    |           |                                             |
|    | 4   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 400 tấn                                                                                                                       | Phú Mỹ               | 320                                   | 400                             |                                    |           |                                             |
|    | 5   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 500 tấn                                                                                                                       | Phú Mỹ               | 400                                   | 500                             |                                    |           |                                             |
|    | 6   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 100 tấn                                                                                                                       | Bình Định - Nhơn Hội | 80                                    | 100                             |                                    |           |                                             |
|    | 7   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn                                                                                                                       | Bình Định - Nhơn Hội | 120                                   | 150                             |                                    |           |                                             |
|    | 8   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 200 tấn                                                                                                                       | Bình Định - Nhơn Hội | 160                                   | 200                             |                                    |           |                                             |
|    | 9   | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 100 tấn (Ghi chú: Khách hàng tự bốc hàng lên xe)                                                                              | Nghệ An - Đông Hải   | 80                                    | 100                             |                                    |           |                                             |
|    | 10  | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 150 tấn (Ghi chú: Khách hàng tự bốc hàng lên xe)                                                                              | Nghệ An - Đông Hải   | 120                                   | 150                             |                                    |           |                                             |
|    | 11  | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 200 tấn (Ghi chú: Khách hàng tự bốc hàng lên xe)                                                                              | Nghệ An - Đông Hải   | 160                                   | 200                             |                                    |           |                                             |
|    | 12  | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 250 tấn (Ghi chú: Khách hàng tự bốc hàng lên xe)                                                                              | Nghệ An - Đông Hải   | 200                                   | 250                             |                                    |           |                                             |
|    | 13  | Thép cán nguội Pubcoil - Lô 400 tấn (Ghi chú: Khách hàng tự bốc hàng lên xe)                                                                              | Nghệ An - Đông Hải   | 320                                   | 400                             |                                    |           |                                             |
| 2  | 1   | Biên thép cán nguội - Lô 50 tấn                                                                                                                           | Phú Mỹ               | 30                                    | 50                              |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Biên thép cán nguội - Lô 100 tấn                                                                                                                          | Phú Mỹ               | 65                                    | 100                             |                                    |           |                                             |
| 3  | 1   | Biên thép kèm lạnh - Lô 50 tấn                                                                                                                            | VLXD Phú Mỹ          | 30                                    | 50                              |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Biên thép kèm lạnh - Lô 150 tấn                                                                                                                           | VLXD Phú Mỹ          | 95                                    | 150                             |                                    |           |                                             |
| 4  |     | Biên thép kèm lạnh                                                                                                                                        | MTV Phú Mỹ           | 30                                    |                                 | 30                                 | 50        |                                             |
| 5  |     | Biên thép kèm lạnh                                                                                                                                        | Phú Mỹ               | 25                                    |                                 | 20                                 | 40        |                                             |
| 6  |     | Biên thép kèm lạnh                                                                                                                                        | Bình Định - Nhơn Hội | 45                                    |                                 | 50                                 | 70        |                                             |
| 7  |     | Biên thép kèm lạnh                                                                                                                                        | Nghệ An - Đông Hải   | 40                                    |                                 | 30                                 | 60        |                                             |
| 8  |     | Biên thép kèm lạnh                                                                                                                                        | Hà Nam               | 20                                    |                                 | 25                                 | 30        |                                             |
| 9  |     | Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày < 0.57mm                                                                                                              | Phú Mỹ               | 80                                    |                                 | 50                                 | 100       |                                             |
| 10 |     | Tôn tấm thứ phẩm các loại (70 - 80% hàng < 0.57, 20 - 30% hàng ≥ 0.57) dạng tấm, khách hàng sẽ phải tự bốc tay lên xe. Dạng cuộn, nhà máy hỗ trợ lên hàng | Nghệ An - Đông Hải   | 15                                    |                                 | 10                                 | 20        |                                             |
| 11 |     | Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                                              | Phú Mỹ               | 35                                    |                                 | 30                                 | 50        |                                             |
| 12 |     | Tôn tấm thứ phẩm các loại có độ dày < 0.57mm (90% hàng có độ dày < 0.57mm)                                                                                | Bình Định - Nhơn Hội | 30                                    |                                 | 30                                 | 40        |                                             |
| 13 |     | Tôn tấm (dạng bao bì)                                                                                                                                     | Hà Nam               | 5                                     |                                 | 7                                  | 9         |                                             |
| 14 |     | Tôn tấm (dạng bao bì)                                                                                                                                     | VLXD Phú Mỹ          | 5                                     |                                 | 3                                  | 5         |                                             |
| 15 |     | Tôn tấm thứ phẩm các loại (tấm đầu vào)                                                                                                                   | VLXD Phú Mỹ          | 10                                    |                                 | 10                                 | 15        |                                             |
| 16 | 1   | Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 100 tấn                                                                                                                   | Phú Mỹ               | 65                                    | 100                             |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 150 tấn                                                                                                                   | Phú Mỹ               | 95                                    | 150                             |                                    |           |                                             |
|    | 3   | Tôn thép thứ phẩm các loại - Lô 200 tấn                                                                                                                   | Phú Mỹ               | 130                                   | 200                             |                                    |           |                                             |

| LÔ | STT | Tên hàng hóa                                                                                                          | Nơi nhận hàng        | Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô) | Số lượng chốt bán theo lô (tấn) | Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng) |           | Đơn giá bỏ thầu lần 02, gồm VAT 10% (VND/KG) |
|----|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------|----------------------------------------------|
|    |     |                                                                                                                       |                      |                                       |                                 | Min (tấn)                          | Max (tấn) |                                              |
| 17 |     | Tôn thép thứ phẩm các loại                                                                                            | Bình Định - Nhơn Hội | 45                                    |                                 | 50                                 | 70        |                                              |
| 18 |     | Tôn thép thứ phẩm các loại                                                                                            | VLXD Phú Mỹ          | 30                                    |                                 | 40                                 | 50        |                                              |
| 19 |     | Tôn thép thứ phẩm các loại                                                                                            | MTV Phú Mỹ           | 15                                    |                                 | 12                                 | 25        |                                              |
| 20 |     | Tôn thép thứ phẩm các loại                                                                                            | Bình Định - Nhơn Hòa | 5                                     |                                 | 5                                  | 10        |                                              |
| 21 |     | Tôn thép thứ phẩm các loại                                                                                            | Nghệ An - Đồng Hới   | 60                                    |                                 | 50                                 | 100       |                                              |
| 22 |     | Tôn thép thứ phẩm các loại                                                                                            | Hà Nam               | 5                                     |                                 | 4                                  | 6         |                                              |
| 23 |     | Sắt thép thứ phẩm cơ khí                                                                                              | Phú Mỹ               | 10                                    |                                 | 10                                 | 20        |                                              |
| 24 |     | Sắt thép thứ phẩm cơ khí                                                                                              | Bình Định - Nhơn Hòa | 5                                     |                                 | 2                                  | 5         |                                              |
| 25 | 1   | Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg)                                             | Phú Mỹ               | 50                                    | 50                              |                                    |           |                                              |
|    |     | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có gắn lõi sắt < 100kg)                                        | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
|    | 2   | Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg)                                             | Phú Mỹ               | 100                                   | 100                             |                                    |           |                                              |
|    |     | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có gắn lõi sắt < 100kg)                                        | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
|    | 3   | Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg)                                             | Phú Mỹ               | 150                                   | 150                             |                                    |           |                                              |
|    |     | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có gắn lõi sắt < 100kg)                                        | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
|    | 4   | Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có lõi sắt < 100kg)                                             | Phú Mỹ               | 250                                   | 250                             |                                    |           |                                              |
|    |     | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng có gắn lõi sắt < 100kg)                                        | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
| 26 | 1   | Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg). Hàng rách biên, bong tróc nhám xỉ nặng.  | Phú Mỹ               | 30                                    | 44.98                           |                                    |           |                                              |
|    | 2   | Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg). Hàng rách biên, bong tróc nhám xỉ nặng.  | Nghệ An - Đồng Hới   | 95                                    | 151.14                          |                                    |           |                                              |
|    |     | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg). Hàng rách biên, bong tróc nhám xỉ nặng. | Nghệ An - Đồng Hới   |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
| 27 |     | Tôn kẽm thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg)                                           | Nghệ An - Đồng Hới   | 120                                   |                                 | 80                                 | 120       |                                              |
|    |     | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg)                                          | Nghệ An - Đồng Hới   |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
| 28 | 1   | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57 mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg, 50% hàng > 1 tấn).                       | Bình Định - Nhơn Hội | 35                                    | 33.80                           |                                    |           |                                              |
|    | 2   | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (80% hàng > 1 tấn). Hàng bong tróc, móp biên.                                    | Bình Định - Nhơn Hội | 10                                    | 13.35                           |                                    |           |                                              |
|    | 3   | Tôn lạnh thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (90% hàng > 2 tấn). Hàng tôn mới cho đầy chuyển mạ màu, có đoạn dính sơn.        | Bình Định - Nhơn Hội | 10                                    | 14.07                           |                                    |           |                                              |
| 29 |     | Tôn kẽm màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)                                                   | Phú Mỹ               | 130                                   |                                 | 50                                 | 100       |                                              |
|    |     | Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)                                                  | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
|    |     | Tôn phủ màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)                                                   | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
| 30 |     | Tôn kẽm màu thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)                                                   | Phú Mỹ               | 110                                   |                                 | 100                                | 120       |                                              |
|    |     | Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)                                                  | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |
|    |     | Tôn phủ màu thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg)                                                   | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                              |



| LÔ | STT | Tên hàng hóa                                                                                                                   | Nơi nhận hàng        | Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô) | Số lượng chốt bán theo lô (tấn) | Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng) |           | Đơn giá bỏ thầu lần 02 gồm VAT 10% (VNĐ/KG) |
|----|-----|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------|---------------------------------------------|
|    |     |                                                                                                                                |                      |                                       |                                 | Min (tấn)                          | Max (tấn) |                                             |
| 31 |     | Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg)                                                | Nghệ An - Đồng Hới   | 45                                    |                                 | 10                                 | 30        |                                             |
|    |     | Tôn kẽm màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg)                                                 | Nghệ An - Đồng Hới   |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 32 |     | Tôn lạnh màu thứ phẩm có độ dày < 0.57mm. (bao gồm lõi sắt < 100 kg). 95% hàng < 1 tấn                                         | Bình Định - Nhơn Hội | 45                                    | 32.36                           |                                    |           |                                             |
| 33 | 1   | Thép dày mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                    | Phú Mỹ               | 100                                   | 100                             |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                   | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Thép dày mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                    | Phú Mỹ               | 150                                   | 150                             |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                   | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
|    | 3   | Thép dày mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                    | Phú Mỹ               | 200                                   | 200                             |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                   | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 34 |     | Thép dày mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                    | Nghệ An - Đồng Hới   | 50                                    |                                 | 30                                 | 50        |                                             |
|    |     | Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                   | Nghệ An - Đồng Hới   |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 35 | 1   | Thép dày mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm. Hàng rách biên, bong tróc nhám xỉ nặng.                                           | Phú Mỹ               | 15                                    | 23.28                           |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm. Hàng rách biên, bong tróc nhám xỉ nặng.                                          | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Thép dày mạ kẽm thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm. Hàng cạ biên, bong tróc nhám xỉ nặng.                                             | Nghệ An - Đồng Hới   | 5                                     | 10.14                           |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm. Hàng cạ biên, bong tróc nhám xỉ nặng.                                            | Nghệ An - Đồng Hới   |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 36 |     | Thép dày mạ lạnh thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (hàng < 1 tấn). Hàng tôn mới cho dây chuyền mạ màu, có đoạn dính sơn.             | Bình Định - Nhơn Hội | 2                                     | 1.73                            |                                    |           |                                             |
| 37 |     | Thép cán nguội thứ phẩm có độ dày < 0.57mm (bao gồm cả hàng gắn lõi sắt < 100 kg)                                              | Nghệ An - Đồng Hới   | 25                                    |                                 | 10                                 | 30        |                                             |
| 38 |     | Thép cán nguội, cán nóng thứ phẩm có độ dày < 0.57mm                                                                           | Phú Mỹ               | 80                                    |                                 | 80                                 | 100       |                                             |
| 39 |     | Thép cán nguội L2 có độ dày < 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày < 0.57mm) | Phú Mỹ               | 85                                    | 100                             |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép cán nóng L2 có độ dày < 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày < 0.57mm)  | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 40 |     | Thép cán nguội L2 có độ dày < 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày < 0.57mm) | Phú Mỹ               | 50                                    |                                 | 30                                 | 60        |                                             |
|    |     | Thép cán nóng L2 có độ dày < 0.57mm (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày < 0.57mm)  | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 41 | 1   | Thép cán nóng L2 có độ dày < 0.57mm (hàng > 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày < 0.57mm)  | Phú Mỹ               | 10                                    | 9.65                            |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Thép cán nguội L2 có độ dày < 0.57mm (hàng < 2 tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng).                        | Bình Định - Nhơn Hội | 5                                     | 7.61                            |                                    |           |                                             |
| 42 |     | Thép cán nguội thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm                                                                                     | Phú Mỹ               | 30                                    |                                 | 30                                 | 40        |                                             |
| 43 |     | Thép cán nóng, cán nguội thứ phẩm có độ dày ≥ 0.57mm (50% hàng > 2 tấn).                                                       | Bình Định - Nhơn Hội | 15                                    | 22.61                           |                                    |           |                                             |

| LÔ | STT | Tên hàng hóa                                                                                                                                            | Nơi nhận hàng        | Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô) | Số lượng chốt bán theo lô (tấn) | Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng) |           | Đơn giá dự thầu lần 02 gồm VAT 10% (VNĐ/KG) |
|----|-----|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------|---------------------------------------------|
|    |     |                                                                                                                                                         |                      |                                       |                                 | Min (tấn)                          | Max (tấn) |                                             |
| 44 |     | Thép cán nguội thứ phẩm có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$                                                                                                  | Nghệ An - Đồng Hới   | 25                                    |                                 | 10                                 | 30        |                                             |
|    |     | Thép cán nóng thứ phẩm có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$                                                                                                   | Nghệ An - Đồng Hới   |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 45 | 1   | Thép cán nguội L2 có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ ) | Phú Mỹ               | 80                                    | 100                             |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép cán nóng L2 có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ )  | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Thép cán nguội L2 có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ ) | Phú Mỹ               | 125                                   | 150                             |                                    |           |                                             |
|    |     | Thép cán nóng L2 có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ (hàng < 2 Tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng, 70% có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ )  | Phú Mỹ               |                                       |                                 |                                    |           |                                             |
| 46 |     | Thép cán nguội L2 có độ dày $\geq 0.57\text{mm}$ (hàng $\geq 2$ tấn, bao gồm cả hàng có 2 độ dày trên cùng 1 cuộn hàng 70% hàng $\geq 0.57\text{mm}$ ). | Phú Mỹ               | 115                                   | 139.16                          |                                    |           |                                             |
| 47 |     | Thứ phẩm dạng băng (băng kẽm, băng lạnh)                                                                                                                | Nghệ An - Đồng Hới   | 5                                     | 4.57                            |                                    |           |                                             |
| 48 | 1   | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 30 tấn                                                                                                            | VLXD Phú Mỹ          | 40                                    | 30                              |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 60 tấn                                                                                                            | VLXD Phú Mỹ          | 80                                    | 60                              |                                    |           |                                             |
|    | 3   | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 100 tấn                                                                                                           | VLXD Phú Mỹ          | 130                                   | 100                             |                                    |           |                                             |
|    | 4   | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 15 tấn                                                                                                            | Bình Định - Nhơn Hòa | 20                                    | 15                              |                                    |           |                                             |
|    | 5   | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 20 tấn                                                                                                            | Bình Định - Nhơn Hòa | 25                                    | 20                              |                                    |           |                                             |
|    | 6   | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 30 tấn                                                                                                            | Bình Định - Nhơn Hòa | 40                                    | 30                              |                                    |           |                                             |
|    | 7   | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1- Lô 35 tấn                                                                                                            | Bình Định - Nhơn Hòa | 45                                    | 35                              |                                    |           |                                             |
| 49 |     | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1                                                                                                                       | Nghệ An - Nam Cẩm    | 35                                    |                                 | 10                                 | 30        |                                             |
| 50 |     | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1                                                                                                                       | Hà Nam               | 30                                    |                                 | 20                                 | 25        |                                             |
| 51 |     | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1                                                                                                                       | Yên Bái              | 20                                    |                                 | 10                                 | 16        |                                             |
| 52 |     | Thép hộp kẽm thứ phẩm quy cách A1                                                                                                                       | MTV Phú Mỹ           | 35                                    |                                 | 15                                 | 30        |                                             |
| 53 |     | Thép hộp kẽm thứ phẩm                                                                                                                                   | MTV Phú Mỹ           | 15                                    |                                 | 10                                 | 20        |                                             |
| 54 | 1   | Thép hộp kẽm thứ phẩm - Lô 30 tấn                                                                                                                       | VLXD Phú Mỹ          | 20                                    | 30                              |                                    |           |                                             |
|    | 2   | Thép hộp kẽm thứ phẩm - Lô 60 tấn                                                                                                                       | VLXD Phú Mỹ          | 40                                    | 60                              |                                    |           |                                             |
|    | 3   | Thép hộp kẽm thứ phẩm - Lô 25 tấn                                                                                                                       | Bình Định - Nhơn Hòa | 15                                    | 25                              |                                    |           |                                             |
| 55 |     | Thép hộp kẽm thứ phẩm                                                                                                                                   | Hà Nam               | 10                                    |                                 | 10                                 | 15        |                                             |
| 56 |     | Thép hộp kẽm thứ phẩm                                                                                                                                   | Yên Bái              | 5                                     |                                 | 5                                  | 9         |                                             |
| 57 |     | Thép ống nhúng kẽm thứ phẩm quy cách A1                                                                                                                 | MTV Phú Mỹ           | 15                                    |                                 | 5                                  | 15        |                                             |
| 58 |     | Thép ống nhúng kẽm thứ phẩm                                                                                                                             | MTV Phú Mỹ           | 10                                    |                                 | 5                                  | 15        |                                             |
| 59 |     | Thép ống đen thứ phẩm quy cách A1                                                                                                                       | MTV Phú Mỹ           | 20                                    |                                 | 20                                 | 35        |                                             |
| 60 |     | Thép ống đen thứ phẩm                                                                                                                                   | MTV Phú Mỹ           | 15                                    |                                 | 10                                 | 25        |                                             |
| 61 |     | Hộp kim nhôm (dạng xi)                                                                                                                                  | Phú Mỹ               | 100                                   |                                 | 50                                 | 100       |                                             |
| 62 |     | Hộp kim nhôm (dạng xi) (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)                                                                                                  | Nghệ An - Đồng Hới   | 70                                    |                                 | 50                                 | 70        |                                             |
| 63 |     | Hộp kim nhôm (dạng xi)                                                                                                                                  | Bình Định - Nhơn Hòa | 50                                    |                                 | 40                                 | 50        |                                             |



| LÔ | STT | Tên hàng hóa                                                         | Nơi nhận hàng        | Tiền bảo lãnh dự thầu (triệu đồng/lô) | Số lượng chốt bán theo lô (tấn) | Số lượng bao tiêu (ước tính/tháng) |           | Đơn giá ước thầu lần 02 gồm VAT 10% (VNĐ/KG) |
|----|-----|----------------------------------------------------------------------|----------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------------------|-----------|----------------------------------------------|
|    |     |                                                                      |                      |                                       |                                 | Min (tấn)                          | Max (tấn) |                                              |
| 64 |     | Hợp kim kẽm (dạng xi)                                                | Phú Mỹ               | 150                                   |                                 | 20                                 | 40        |                                              |
| 65 |     | Hợp kim kẽm (dạng xi) (Khách hàng tự bốc hàng lên xe)                | Nghệ An - Đồng Hới   | 150                                   |                                 | 20                                 | 40        |                                              |
| 66 |     | Hợp kim kẽm (dạng xi)                                                | Bình Định - Nhơn Hội | 110                                   |                                 | 25                                 | 30        |                                              |
| 67 |     | Hợp kim kẽm (dạng xi)                                                | MTV Phú Mỹ           | 55                                    |                                 | 5                                  | 15        |                                              |
| 68 |     | Hợp kim kẽm (dạng vụn)                                               | MTV Phú Mỹ           | 75                                    |                                 | 20                                 | 50        |                                              |
| 69 |     | Hợp kim kẽm (dạng bột)                                               | MTV Phú Mỹ           | 50                                    |                                 | 5                                  | 20        |                                              |
| 70 |     | Thứ phẩm hợp kim nhôm kẽm vụn                                        | Phú Mỹ               | 10                                    |                                 | 20                                 | 25        |                                              |
| 71 |     | Thứ phẩm hợp kim nhôm kẽm vụn                                        | Nghệ An - Đồng Hới   | 20                                    |                                 | 30                                 | 45        |                                              |
| 72 | 1   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 100 tấn                               | Phú Mỹ               | 80                                    | 100                             |                                    |           |                                              |
|    | 2   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 150 tấn                               | Phú Mỹ               | 120                                   | 150                             |                                    |           |                                              |
|    | 3   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 200 tấn                               | Phú Mỹ               | 160                                   | 200                             |                                    |           |                                              |
|    | 4   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 250 tấn                               | Phú Mỹ               | 200                                   | 250                             |                                    |           |                                              |
|    | 5   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 50 tấn                                | Bình Định - Nhơn Hội | 40                                    | 50                              |                                    |           |                                              |
|    | 6   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 100 tấn                               | Bình Định - Nhơn Hội | 80                                    | 100                             |                                    |           |                                              |
|    | 7   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 100 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu) | Nghệ An - Đồng Hới   | 80                                    | 100                             |                                    |           |                                              |
|    | 8   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 150 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu) | Nghệ An - Đồng Hới   | 120                                   | 150                             |                                    |           |                                              |
|    | 9   | Biên thép cán nóng 5-20mm - Lô 200 tấn (Khách phải xâu hàng vào cầu) | Nghệ An - Đồng Hới   | 160                                   | 200                             |                                    |           |                                              |
| 73 |     | Biên thép cán nóng 5-20mm                                            | MTV Phú Mỹ           | 20                                    |                                 | 10                                 | 20        |                                              |
| 74 | 1   | Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm - Lô 50 tấn                     | Phú Mỹ               | 35                                    | 50                              |                                    |           |                                              |
|    | 2   | Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm - Lô 100 tấn                    | Phú Mỹ               | 70                                    | 100                             |                                    |           |                                              |
|    | 3   | Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm - Lô 150 tấn                    | Phú Mỹ               | 105                                   | 150                             |                                    |           |                                              |
|    | 4   | Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm - Lô 200 tấn                    | Phú Mỹ               | 140                                   | 200                             |                                    |           |                                              |
| 75 |     | Biên thép cán nóng ngoài khổ 5-20 mm                                 | MTV Phú Mỹ           | 5                                     |                                 | 8                                  | 10        |                                              |
| 76 |     | Thép thứ phẩm (dạng đăm bảo)                                         | Bình Định - Nhơn Hòa | 10                                    |                                 | 15                                 | 25        |                                              |
| 77 |     | Thép thứ phẩm (dạng đăm bảo)                                         | Hà Nam               | 2                                     |                                 | 4                                  | 5         |                                              |

**Ghi chú:**

- Bên Dự thầu đã đọc kỹ tất cả nội dung trong Hồ sơ Mời thầu Số 01-PPPL/05.20/HISG, ngày 21 tháng 04 năm 2020 của Bên Mời thầu (Hoa Sen Group và các nhà máy trực thuộc Hoa Sen Group) và cam kết thực hiện đúng theo các nội dung đề cập trong Hồ sơ Mời thầu.
- Bên Dự thầu đề nghị giá thầu cho từng loại hàng hoá như sau:
  - Đơn giá trên đã bao gồm VAT 10% và không thay đổi trong suốt thời gian thực hiện Hợp đồng.
  - Đơn giá chào thầu hợp lệ của các đơn vị cho từng mặt hàng là đơn giá chào phải làm tròn hàng đơn vị 0 đồng và sẽ không được chào giá lại mặt hàng đã chào giá không hợp lệ.
  - Các nhà máy của Hoa Sen sẽ thay đổi quy trình vào/ra cổng bảo vệ có lắp đặt phần mềm kiểm tra ngẫu nhiên khi xe vào/ra lấy hàng. Vì vậy, khi xe của Quý khách hàng được ngẫu nhiên lựa chọn, vui lòng hợp tác và phối hợp chặt chẽ với Nhà máy để công tác kiểm soát hàng hóa trên xe được nhanh chóng, chính xác, và theo đúng quy định của Nhà
  - Đối với các mặt hàng Thứ phẩm, phụ phẩm (các mặt hàng bao tiêu), Bên dự thầu nhận hàng tồn kho trước ngày 01/05/2020 và hàng phát sinh đến hết ngày 31/05/2020, thời gian nhận hàng từ 06/05/2020 đến 05/06/2020.
  - Đối với các mặt hàng Thứ phẩm, Phụ phẩm chào theo lô, Bên dự thầu nhận hàng tồn kho đến hết ngày 31/05/2020, thời gian nhận hàng từ 02/05/2020 đến 31/05/2020.
  - Số lượng: Căn cứ vào trọng lượng thực tế qua cân tại nhà máy Bên Bán đối với hàng Thứ phẩm, phụ phẩm.
  - Xuất xứ: Hoa Sen Group/Nhà máy HSPM/VLXD Hoa Sen/Nhà máy HSNA (Đồng Hới)/Nhà máy HSNA (Nam Cẩm)/Nhà máy HS Bình Định/HS Hà Nam/HS Yên Bái/MTV HS Phú Mỹ.
  - Đơn vị trúng thầu nếu không tiến hành ký hợp đồng, nhận hàng theo thời hạn quy định sẽ bị thu cọc của lô hàng đó theo quy định của Hoa Sen.

TP.HCM, ngày ... tháng ... năm 2020  
Bên dự thầu  
(Ký, họ tên)

